

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐOÀN, PHONG TRÀO THANH NIÊN CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS VŨ THANH AN

Khoa Quản trị, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Management, Ho Chi Minh City University of Law
Email: vtan@hcmulaw.edu.vn

TRẦN THỊ LAN⁽¹⁾; ĐỖ LÊ HOÀI ĐỨC⁽²⁾; PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG⁽³⁾;
LÊ MINH HUNG⁽⁴⁾; ĐỖ THỊ DIỆU HUYỀN⁽⁵⁾

Khoa Quản trị, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Management, Ho Chi Minh City University of Law

Email: (1) 2153401020122@email.hcmulaw.edu.vn; (2) 2153401020051@email.hcmulaw.edu.vn;
(3) 2153401020071@email.hcmulaw.edu.vn; (4) 2153401020099@email.hcmulaw.edu.vn;
(5) 2153401020105@email.hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết tìm hiểu những yếu tố tác động đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên tại các trường Đại học công lập tại TP. Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra các hàm ý quản trị cho tổ chức Đoàn tại các trường Đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

Từ khóa: chuyển đổi số, công tác đoàn

Abstract

This study investigates the determinants influencing the intention to adopt digital transformation in Youth Union activities and movements at public universities in Ho Chi Minh City. By analyzing the relative impact of each factor, the research identifies key drivers shaping the intention to adopt digital transformation. The findings provide practical managerial implications for Youth Union organizations to support the promotion of digital transformation initiatives and enhance the effectiveness of youth activities and movements in the context of public higher education.

Keywords: digital transformation, youth union activities

Ngày nhận bài: 01/10/2025

Ngày duyệt đăng: 12/11/2025

Trong làn sóng mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đã trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trên mọi lĩnh vực. Hòa nhịp cùng xu thế đó, tổ chức Đoàn và phong trào thanh niên cả nước đang từng bước thay đổi, thích ứng và bứt phá bằng việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động thực tiễn. Với sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương và tinh thần xung kích của tuổi trẻ, hàng loạt mô hình số hóa đã ra đời như: phần mềm quản lý đoàn viên, hệ thống đếm phiếu tự động, ứng dụng “Thanh niên Việt Nam” giúp nâng cao hiệu quả kết nối, điều hành và tương tác. Việc chọn chủ đề Tháng Thanh niên 2023 là “Tuổi trẻ tiên phong chuyển đổi số” cho thấy kỳ vọng lớn lao vào vai trò của thanh niên, là lực lượng nắm bắt nhanh, sáng tạo và nhạy bén trong thời đại chuyển đổi số mạnh mẽ. Hoạt động công tác Đoàn phải thay đổi những phương pháp tiếp cận mới, thu hút và đáp ứng được các nhu cầu thông tin, sở thích và dịch vụ của thanh niên một cách nhanh chóng và hiệu quả, phù hợp với Đoàn viên, thanh niên trong thời đại hiện nay không chỉ là yêu cầu

của thời đại, mà còn là chìa khóa để giữ lửa, truyền cảm hứng và đồng hành cùng thanh niên trên hành trình hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, quá trình ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đoàn, phong trào thanh niên tại các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh vẫn còn gặp nhiều thách thức như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, chi phí triển khai cao, năng lực công nghệ của cán bộ Đoàn chưa đồng đều, và sự khác biệt trong mức độ sẵn sàng tiếp nhận công nghệ của các đơn vị.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên tại các trường đại học công lập ở TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận trong việc làm rõ hành vi ứng dụng công nghệ của Đoàn viên thanh niên, mà còn mang tính thực tiễn cao khi cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng các giải pháp chuyển đổi số, góp phần tối ưu hóa hoạt động Đoàn và khẳng định vai trò xung kích của thanh niên trong bối cảnh kỷ nguyên số.

1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

1.1. Cơ sở lý thuyết

1.1.1. Một số khái niệm có liên quan

a) Khái niệm về ý định hành vi

Theo Ajzen, ý định “bao gồm các yếu tố động lực có ảnh hưởng đến hành vi của mỗi cá nhân; các yếu tố này cho thấy mức độ sẵn sàng hoặc nỗ lực mà mỗi cá nhân sẽ bỏ ra để thực hiện hành vi”.¹ Ý định hành vi là yếu tố dùng để đánh giá khả năng, năng lực thực hiện hành vi trong tương lai.

Ý định bị ảnh hưởng trực tiếp bởi “thái độ”, “chuẩn mực chủ quan” và “nhận thức kiểm soát hành vi”. Trong đó, thái độ là “đánh giá của một cá nhân về kết quả thu được từ việc thực hiện một hành vi”. Chuẩn mực chủ quan có thể được mô tả là nhận thức của cá nhân về các áp lực của xã hội đối với việc thực hiện hay không thực hiện một hành vi. Nhận thức kiểm soát hành vi được định nghĩa là cảm nhận của cá nhân về việc dễ hay khó khi thực hiện hành vi.

b) Khái niệm “chuyển đổi số”

Tác giả Demirkan và cộng sự² cho rằng hoạt động chuyển đổi kỹ thuật số được đề cập đến như là một hiện tượng chuyển đổi nhanh chóng và sâu rộng trong đó căn bản dựa vào những tiến bộ về kỹ thuật số nhằm ứng dụng vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quy trình và mô hình kinh doanh.

Đối với McKinsey và Comany,³ chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo là quá trình tái cấu trúc tổ chức, với mục tiêu tạo ra giá trị bằng cách liên tục triển khai công nghệ ở quy mô lớn. Một chiến lược chuyển đổi số rõ ràng tập trung vào các lĩnh vực cụ thể và được hỗ trợ bởi một tập hợp các năng lực cụ thể là rất quan trọng để các tổ chức không chỉ cạnh tranh mà còn tồn tại. Chuyển đổi số phát triển khả năng về tổ chức và công nghệ cho phép một công ty liên tục cải thiện trải nghiệm khách hàng, giảm chi phí cơ sở và duy trì lợi thế cạnh tranh theo thời gian.

1 Icek Ajzen, “The theory of planned behavior”, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, Vol. 50(2), 1991, tr. 179–211, DOI: [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)

2 Haluk Demirkan, James C. Spohrer and Jeffrey J. Welser, “Digital innovation and strategic transformation”, *IT Professional*, Vol. 18(6), tr. 14–18, 2016, DOI: <https://doi.org/10.1109/MITP.2016.115>

3 S. Richards, *McKinsey and Company: People and organizational performance strategic analysis*, Undergraduate Honors Thesis, University of Nebraska-Lincoln, 2023.

Theo nhóm tác giả đề xuất, khái niệm “chuyển đổi số” trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên của các trường Đại học là quá trình ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt hoạt động, quản lý và tổ chức phong trào, nhằm đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả, tạo ra môi trường sáng tạo, năng động và hiện đại cho đoàn viên, thanh niên. Quá trình này bao gồm việc tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, mạng xã hội, các nền tảng trực tuyến và phần mềm quản lý vào các hoạt động Đoàn, từ đó, giúp tối ưu hóa quy trình làm việc, tăng cường tương tác, kết nối giữa tổ chức Đoàn với sinh viên, đổi mới cách thức triển khai các phong trào, sự kiện và hoạt động tình nguyện, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho thanh niên.

c) Khái niệm Đoàn viên thanh niên

Đây là một khái niệm hẹp nhất chỉ một bộ phận đông đảo của thanh niên xung kích, tiên phong tiến lên có học thức về cảm tình Đoàn và có giấy chứng nhận trở thành một thành viên trong hàng ngũ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - có nghĩa là một người Đoàn viên.

1.1.2. Lý thuyết nền tảng

a) Lý thuyết hành động hợp lý

Ajzen và Fishbein cho rằng ý định hành vi quyết định hành vi thực tế chịu ảnh hưởng bởi thái độ đối với hành vi (cảm nhận tích cực/tiêu cực khi thực hiện) và chuẩn mực chủ quan (áp lực xã hội, sự ủng hộ từ người quan trọng).⁴ Lý thuyết hành động hợp lý (*Theory of Reasoned Action, TRA*) giúp lý giải tác động của nhận thức cá nhân và chuẩn mực xã hội đến ý định ứng dụng chuyển đổi số của cán bộ Đoàn và thanh niên.

b) Lý thuyết hành vi có kế hoạch

Ajzen mở rộng TRA bằng cách thêm kiểm soát hành vi cảm nhận (niềm tin về khả năng và mức độ dễ/khó khi thực hiện hành vi). Ý định hành vi phụ thuộc vào thái độ, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi cảm nhận.⁵ Lý thuyết hành vi có kế hoạch (*Theory of Planned Behavior, TPB*) phù hợp với nghiên cứu vì ứng dụng chuyển đổi số chịu ảnh hưởng từ thái độ, tính hữu ích và khả năng dễ sử dụng.

c) Mô hình chấp nhận công nghệ

Davis phát triển từ TRA chuyên về hành vi ứng dụng công nghệ. Hai yếu tố then chốt là tính hữu ích cảm nhận (*Perceived Usefulness, PU*) – công nghệ giúp cải thiện hiệu quả công việc và tính dễ sử dụng cảm nhận (*Perceived Ease of Use, PEOU*) – công nghệ không đòi hỏi nhiều nỗ lực.⁶ Trong công tác Đoàn, nếu Đoàn viên thanh niên thấy công nghệ hữu ích và dễ dùng, họ sẽ tích cực ứng dụng chuyển đổi số.

d) Lý thuyết khung *Technology-Organization-Environment (TOE)*

Tornatzky và Fleischer⁷ giải thích việc áp dụng công nghệ dựa trên ba khía cạnh: Công nghệ (tính sẵn có, lợi ích, tương thích), tổ chức (quy mô, nguồn lực, văn hóa, mức độ sẵn sàng) và môi trường (áp lực cạnh tranh, chính sách, hỗ trợ bên ngoài). TOE giúp phân tích vai trò của tổ chức và bối cảnh chính sách trong thúc đẩy chuyển đổi số tại các trường đại học công lập.

4 Icek Ajzen and Martin Fishbein, *Understanding attitudes and predicting social behavior*, Prentice-Hall, Englewood Cliffs, 1980.

5 Icek Ajze, *ibid.*

6 Fred D. Davis, “Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology”, *MIS Quarterly*, Vol. 13(3), 1989, tr. 319-340, DOI: <https://doi.org/10.2307/249008>

7 L. Tornatzky and M. Fleischer, *The process of technology innovation*, Lexington Books, 1990.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nước, hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong lĩnh vực mà nhóm nghiên cứu đang hướng tới. Các công trình nghiên cứu tập trung chủ yếu vào việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vực khác, điển hình như:

Chữ Bá Quyết⁸ đã vận dụng khung phân tích TOE để khám phá bảy nhân tố tác động đến chuyển đổi số thành công của doanh nghiệp Việt Nam. Trong đó, chính sách pháp luật và hỗ trợ của chính phủ cùng với yếu tố an toàn, bảo mật thông tin được xác định là có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Bổ sung cho hướng tiếp cận này, Nguyễn Thị Mai Hương và Bùi Thị Sen⁹ đã làm rõ ý định thực hiện chuyển đổi số của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy ý định chuyển đổi số chịu sự chi phối của mục tiêu, chiến lược số, cơ sở hạ tầng công nghệ, năng lực tài chính và trình độ công nghệ trong khi văn hóa doanh nghiệp chưa chứng minh được mối quan hệ tuyến tính.

Ở lĩnh vực giáo dục, Nguyễn Thế Cường¹⁰ đã tham khảo kinh nghiệm chuyển đổi số tại các trường đại học ở Anh và chỉ ra bốn yếu tố cốt lõi là lãnh đạo, đội ngũ giảng viên – nhân viên và mô hình kinh doanh và đầu tư, từ đó đưa ra những khuyến nghị cho Việt Nam nhằm hoàn thiện chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Ở khía cạnh xã hội, Nguyễn Quốc Tuấn¹¹ đã phân tích sự tham gia của thanh niên vào các tổ công nghệ số cộng đồng tại Vĩnh Long. Nghiên cứu này khẳng định rằng thái độ và nhận thức kiểm soát hành vi đóng vai trò trung gian trong khi cơ hội nghề nghiệp, giá trị bản thân, điều kiện, cảm xúc và yếu tố xã hội là những biến tác động chính.

Đối với các nghiên cứu ngoài nước, nhiều nghiên cứu cũng đã được triển khai với phạm vi rộng hơn cụ thể như: Pedro Fernández-de-Castro và cộng sự¹² tập trung vào công tác thanh niên kỹ thuật số. Trong đó, nhấn mạnh ba khía cạnh then chốt là sự tham gia kỹ thuật số, năng lực số và vai trò của truyền thông trong giáo dục công tác xã hội, qua đó đề xuất các chương trình đào tạo nhằm tăng cường hòa nhập và quyền công dân số cho thanh niên. Trong khi đó, Oliveira và De Souza¹³ đưa ra mô hình *Digital transformation in education* (TADEO) cho giáo dục 4.0 trong bối cảnh đại dịch COVID-19 kết hợp với các động lực từ công nghệ, tổ chức, giảng dạy, kỹ năng của sinh viên và yếu tố sư phạm nhằm trang bị đầy đủ kỹ năng cứng và mềm cho thế hệ học sinh trong kỷ nguyên số.

Nghiên cứu của nhóm tác giả Kazakhstan và cộng sự lại tiếp cận vấn đề từ góc độ chính sách phát triển thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số. Bằng cách phân tích tác động của công nghệ số đến đời sống, việc làm và sự tham gia xã hội của giới

8 Chữ Bá Quyết, “Nghiên cứu khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số thành công của doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, số 233, 2021, tr. 57-70.

9 Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen, “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, số 18(226), 2021, tr. 347-355.

10 Nguyễn Thế Cường, “Chiến lược chuyển đổi số của các trường đại học ở Vương quốc Anh và kinh nghiệm cho các trường đại học Việt Nam”, *Tạp chí KHandCN Trường Đại học Hoa Bình*, số 04, 2022, tr. 83-90.

11 Nguyễn Quốc Tuấn, *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của đoàn viên thanh niên vào các tổ công nghệ số cộng đồng tại tỉnh Vĩnh Long*, Đề án tốt nghiệp, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024.

12 Pedro Fernández-de-Castro, Daniel Aranda, Segundo Moyano and Víctor Sampedro, “Digital youth work: A systematic review with a proposal”, *Social Work Education*, Vol. 42(3), 2023, tr. 318-336, DOI: <https://doi.org/10.1080/02615479.2021.1971187>

13 Katyeudo K. de S. Oliveira, Ricardo A. C. de Souza, “Digital transformation towards education 4.0”, *Informatics in Education*, Vol. 21(2), 2022, tr. 283-309, DOI: <https://doi.org/10.15388/infedu.2022.13>

trẻ, nghiên cứu đã đề xuất một công thức chính sách với các ưu tiên trọng yếu, các nguyên tắc định hướng, cùng những nhiệm vụ và cơ chế thực hiện cụ thể. Kết quả nhấn mạnh vai trò then chốt của thanh niên trong tiến trình hiện đại hóa đất nước và yêu cầu xây dựng hệ thống chính sách toàn diện và bền vững nhằm phát huy tối đa nguồn lực này trong thời đại số.

Trên cơ sở đó, các nhân tố đề xuất có ý nghĩa trong việc xác định những yếu tố tác động đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên tại các trường đại học công lập ở TP. HCM.

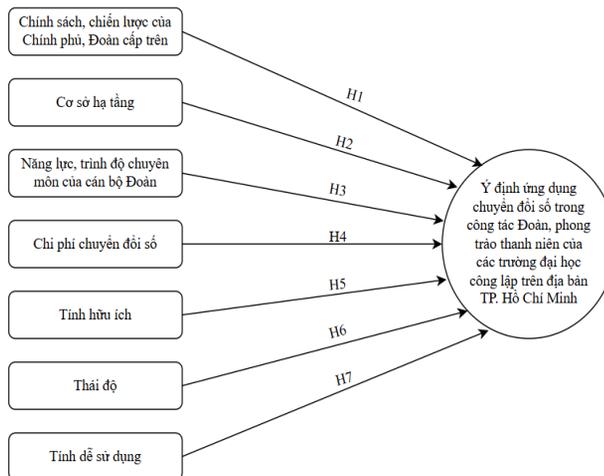
Bảng 1. Tổng hợp các bài nghiên cứu trong nước và ngoài nước

| Ký hiệu | Tên yếu tố | Nguồn tham khảo |
|---------|---|---|
| CS | Chính sách, chiến lược của Chính phủ, Đoàn cấp trên | Chữ Bá Quyết; Ainura Omarova và cộng sự (2024), ¹⁴ Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen (2021), Nguyễn Thế Cường (2022), Oliveira và cộng sự (2022) |
| CSHT | Cơ sở hạ tầng | Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen (2021), Ainura omarova và cộng sự (2024) |
| NL | Năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ Đoàn | Chữ Bá Quyết (2021), Nguyễn Thế Cường (2022), Fernández-de-Castro và cộng sự (2021), Oliveira và cộng sự (2022) |
| CP | Chi phí chuyển đổi số | Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen (2021), Nguyễn Thế Cường (2022) |
| HI | Tính hữu ích | Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen (2021), Oliveira và cộng sự (2022) |
| TĐ | Thái độ | Nguyễn Quốc Tuấn (2024) |
| SD | Tính dễ sử dụng | Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen (2021), Oliveira và cộng sự (2022) |

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp)

2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu chính thức của nhóm nghiên cứu

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu đề xuất)

14 Mukhambetova, Yerkebulan Mukhambetov, “Socio-economic development of youth policy in the context of digital transformation”, *Montenegrin Journal of Economics*, Vol. 20(1), 2024, tr. 197-208.

Từ mô hình trên, nhóm nghiên cứu đã xây dựng các giả thuyết tương ứng với từng biến độc lập và biến phụ thuộc như sau:

H1: Chính sách, chiến lược của Chính phủ, Đoàn cấp trên có ảnh hưởng tích cực đối với ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

H2: Cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đối với quá trình chuyển đổi số có ảnh hưởng đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

H3: Năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ Đoàn có ảnh hưởng tích cực đối với ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

H4: Chi phí của chuyển đổi số có ảnh hưởng tiêu cực đối với ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

H5: Tính hữu ích có ảnh hưởng tích cực đối với ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

H6: Thái độ có ảnh hưởng tích cực đối với ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

H7: Tính dễ sử dụng có ảnh hưởng tích cực đối với ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp định tính

Về thang đo sơ bộ, nhóm tác giả đã kế thừa từ các thang đo nghiên cứu trong, ngoài nước của nhiều tác giả có liên quan đến nội dung chuyển đổi số để làm cơ sở xây dựng thang đo sơ bộ. Từ đó, nhóm tác giả tiến hành hiệu chỉnh cho phù hợp với đối tượng và phạm vi trong nghiên cứu. Đồng thời, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn chuyên gia và thiết kế nghiên cứu để phân tích định lượng chính thức. Sau khi có kết quả nghiên cứu định lượng chính thức, nhóm tác giả một lần nữa tiến hành phỏng vấn lấy ý kiến đóng góp về mặt hàm ý quản trị từ các chuyên gia (các cán bộ Đoàn giữ chức vụ quản lý tại các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh). Trong đó, các cuộc khảo sát và phỏng vấn của nhóm nghiên cứu đã tuân theo quy tắc về đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật.

2.2.2. Phương pháp định lượng

Thứ nhất, nghiên cứu định lượng sơ bộ được thực hiện bằng cách khảo sát một số đối tượng là cán bộ Đoàn viên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Sau đó, dữ liệu sẽ được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích yếu tố khám phá EFA bằng phần mềm SPSS 20 với mục đích của nghiên cứu định lượng sơ bộ là để đánh giá độ tin cậy của thang đo. Thang đo sẽ được điều chỉnh để tiếp tục cho nghiên cứu định lượng sau này.

Thứ hai, nghiên cứu định lượng chính thức được thực hiện bằng cách thu thập dữ liệu thông qua khảo sát bằng câu hỏi soạn sẵn. Dữ liệu thu thập được sẽ xử lý bằng

phần mềm thống kê SPSS 20. Từ đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

3. Kết quả nghiên cứu

Nhằm đảm bảo thang đo phù hợp với mục tiêu nghiên cứu về ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA.

Theo Peterson, hệ số Cronbach's Alpha cần đạt tối thiểu 0.6;¹⁵ theo Cristobal và cộng sự, hệ số tương quan biến tổng ≥ 0.3 mới được giữ lại.¹⁶ Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều có Cronbach's Alpha > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng > 0.3 , chứng tỏ các yếu tố trong mô hình đạt độ tin cậy và có ảnh hưởng đến ý định ứng dụng chuyển đổi số.

Kết quả EFA sử dụng phương pháp PCA với phép quay Varimax cho thấy hệ số KMO = 0.908 (> 0.5), kiểm định Bartlett có Sig. = 0.000 (< 0.05), chứng tỏ các biến quan sát có tương quan. Có 34 biến được rút gọn thành 7 nhân tố với Eigenvalue = 1.057 (> 1) và tổng phương sai trích đạt 71.543% ($\geq 50\%$), đảm bảo giá trị phân tích.

Sau khi tiến hành phân tích Cronbach's Alpha và nhân tố khám phá EFA thì nhóm tác giả tiếp tục phân tích hồi quy tuyến tính để tìm ra các yếu tố tác động đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên. Quá trình phân tích hồi quy tuyến tính diễn ra 02 lần như sau:

Thứ nhất, phân tích hồi quy tuyến tính lần một: Nhóm nghiên cứu tiến hành các kiểm định về độ phù hợp của mô hình tương quan (R^2 hiệu chỉnh = 0.594 và Sig. của kiểm định F = 0.000 < 0.05), cũng như kiểm định về các khuyết tật của mô hình với giá trị Durbin – Watson = 1.841 nằm trong khoảng (1.5; 2.5), giá trị VIF của các biến NL và TD lần lượt là 2.153 và 2.355 đều lớn hơn 2 nên nhóm nghiên cứu đã tiến hành loại bỏ biến TD (có hệ số VIF lớn nhất) ra khỏi mô hình và phân tích hồi quy lần hai. Biến Thái độ (TD) bị loại bỏ vì trong bối cảnh chuyển đổi số của tổ chức Đoàn, thái độ không trực tiếp quyết định ý định ứng dụng. Thái độ chỉ là kết quả của các yếu tố khác như năng lực cán bộ, chính sách cấp trên, cảm nhận tính hữu ích và dễ sử dụng. Do chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị – định hướng từ cấp trên xuống cấp dưới, ý định hành vi thường chịu ảnh hưởng bởi chuẩn mực chủ quan (áp lực cấp trên, đồng nghiệp) và kiểm soát hành vi cảm nhận (nguồn lực, hỗ trợ). Nhiều nghiên cứu như Morris và Venkatesh¹⁷ và Kim và Lee¹⁸ cũng cho thấy trong khu vực công, chuẩn mực xã hội và hỗ trợ chính sách có tác động mạnh hơn thái độ cá nhân.

15 Robert A. Peterson, "A meta-analysis of cronbach's coefficient alpha get access arrow", *Journal of Consumer Research*, Vol. 21(2), 1994, tr 381–391, DOI: <https://doi.org/10.1086/209405>

16 Eduard Cristobal, Carlos Flavián, Miguel Guinalú, "Perceived e-service quality (PeSQ): Measurement validation and effects on consumer satisfaction and web site loyalty", *Managing Service Quality: An International Journal*, Vol. 17, 2007, tr. 317–340, DOI: <https://doi.org/10.1108/09604520710744326>

17 Viswanath Venkatesh, Michael G. Morris, "Why don't men ever stop to ask for directions? Gender, social influence, and their role in technology acceptance and usage behavior", *MIS Quarterly*, Vol. 24(1), 2000, tr. 115–139, <https://ssrn.com/abstract=3681106>

18 Soonhee Kim, Hyangsoo Lee, "The impact of organizational context and information technology on employee knowledge-sharing capabilities", *Public Administration Review*, Vol. 66(3), 2006, tr. 370–385, DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1540-6210.2006.00595.x>

Thứ hai, phân tích hồi quy tuyến tính lần hai: Sau khi tiến hành các kiểm định về độ phù hợp của mô hình tương quan (với giá trị R² hiệu chỉnh = 0.588 và Sig. của kiểm định F = 0.000 < 0.05), cũng như kiểm định về các khuyết tật của mô hình với giá trị Durbin – Watson = 1.841 nằm trong khoảng (1.5; 2.5) và các giá trị VIF đều bé hơn 2. Điều này chứng tỏ mô hình lý thuyết cũng đạt được các yêu cầu để đảm bảo có ý nghĩa trong nghiên cứu.

Về kiểm định mối quan hệ giữa các giả thuyết thống kê thì đối với biến TD (VIF > 2) nên đã bị loại và không được chấp nhận, còn lại 6 giả thuyết tương ứng với 6 mối quan hệ kiểm định được chấp nhận với hệ số hồi quy tương ứng như sau:

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy lần thứ hai

| Model | | Unstandardized Coefficients | | Standardized Coefficients | t | Sig. | Collinearity Statistics | |
|-------|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|---------|-------|-------------------------|-------|
| | | B | Std. Error | Beta | | | Tolerance | VIF |
| 1 | (Constant) | 1.807 | 0.355 | | 5.085 | 0.224 | | |
| | CS | 0.142 | 0.057 | 0.139 | 2.496 | 0.013 | 0.597 | 1.676 |
| | CSHT | 0.160 | 0.065 | 0.141 | 2.446 | 0.015 | 0.560 | 1.787 |
| | NL | 0.248 | 0.056 | 0.255 | 4.423 | 0.000 | 0.556 | 1.798 |
| | CP | - 0.252 | 0.048 | - 0.287 | - 5.294 | 0.000 | 0.632 | 1.582 |
| | HI | 0.115 | 0.044 | 0.143 | 2.599 | 0.010 | 0.612 | 1.633 |
| | SD | 0.046 | 0.024 | 0.092 | 1.974 | 0.050 | 0.853 | 1.172 |

a. Dependent Variable: YD

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu thực hiện)

Từ kết quả của Bảng [2], phương trình hồi quy chuẩn hóa sẽ được viết lại như sau:
YD = - 0.287*CP + 0.255*NL + 0.143*HI + 0.141*CSHT + 0.139*CS + 0.092*SD

Từ kết quả hồi quy, nhóm nghiên cứu khẳng định rằng ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên chịu ảnh hưởng đáng kể từ sáu yếu tố. Trong đó, chi phí chuyển đổi số (CP, $\beta = - 0.287$) có tác động mạnh nhất, đóng vai trò như một rào cản chính. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Hung và cộng sự, khi chi phí được xác định là yếu tố¹⁹ cản trở hàng đầu trong tiến trình chuyển đổi số tại các tổ chức công. Bên cạnh đó, năng lực chuyên môn của cán bộ Đoàn (NL, $\beta = 0.255$) và tính hữu ích (HI, $\beta = 0.143$) thể hiện tác động tích cực nổi bật, nhấn mạnh vai trò của nguồn nhân lực và giá trị ứng dụng, tương tự với phát hiện của Venkatesh và Davis²⁰ trong mô hình TAM và nghiên cứu của Alalwan và cộng sự²¹ về dịch vụ số. Ngoài ra, các yếu tố cơ sở

19 Tsang-Kai Hung, Chih-Hung Wang, Mu Tian, Ming Lin, Wen-Hsiu Liu, “How to prevent stress in the workplace by emotional regulation? The relationship between compulsory citizen behavior, job engagement, and job performance”, *Sage Open*, Vol. 12(2), 2022, DOI: <https://doi.org/10.1177/21582440221105483>

20 Viswanath Venkatesh and Fred D. Davis, “A theoretical extension of the technology acceptance model: Four longitudinal field studies”, *Management Science*, Vol. 46(2), 2000, tr. 186-204, <https://www.jstor.org/stable/2634758>

21 Ali Abdallah Alalwan, Yogesh K. Dwivedi, Nripendra P. Rana, “Factors influencing adoption of mobile banking by Jordanian bank customers: Extending UTAUT2 with trust”, *International Journal of Information Management*, Vol. 37(3), 2017, tr. 99-110, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2017.01.002>

hạ tầng (CSHT, $\beta = 0.141$), chính sách và chiến lược từ cấp trên (CS, $\beta = 0.139$) và tính dễ sử dụng (SD, $\beta = 0.092$) cũng góp phần làm gia tăng ý định, dù ở mức thấp hơn. Điều này phù hợp với kết quả của Oliveira và Martins,²² cho thấy hạ tầng, định hướng chính sách và mức độ dễ sử dụng đều có ảnh hưởng tích cực nhưng không mang tính quyết định. Như vậy, việc kiểm soát chi phí, nâng cao năng lực cán bộ và nhấn mạnh tính hữu ích nổi lên như các điều kiện tiên quyết để thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên tại các trường đại học công lập.

4. Kết luận và hàm ý quản trị

Nhằm xác định “các yếu tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên của các trường đại học công lập trên địa bàn TP. HCM”, nhóm tác giả đã thông qua quá trình lược khảo các cơ sở lý thuyết như học thuyết hành động hợp lý TRA, học thuyết hành vi dự định TPB, học thuyết chấp nhận công nghệ TAM cùng với các nghiên cứu trước đây kết hợp với phân tích định lượng các thang đo nghiên cứu và kết quả đã xác định được các yếu tố tác động đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên bao gồm: (i) chính sách, chiến lược của Chính phủ, Đoàn cấp trên; (ii) cơ sở hạ tầng; (iii) năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ Đoàn; (iv) chi phí của chuyển đổi số; (v) tính hữu ích; và (vi) tính dễ sử dụng. Mặc dù mức độ tác động của mỗi yếu tố đến ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên là khác nhau nhưng về cơ bản thì mỗi sự thay đổi của các yếu tố đều có ảnh hưởng đến ý định ứng dụng chuyển đổi số vào công tác Đoàn, phong trào thanh niên. Để nâng cao hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên tại các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu nhận thấy cần ưu tiên giảm chi phí, nâng cao năng lực cán bộ, đồng thời cải thiện hạ tầng, chính sách và trải nghiệm người dùng. Từ các nhận xét trên, nhóm nghiên cứu sẽ đưa ra các hàm ý quản trị ở nội dung tiếp theo nhằm nâng cao ý định ứng dụng chuyển đổi số trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên tại các trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh như sau:

4.1. Hàm ý quản trị liên quan đến chi phí chuyển đổi số

Thứ nhất, cần tối ưu hóa việc sử dụng nguồn kinh phí. Các cơ sở Đoàn có thể phối hợp, hợp tác giữa nhà trường và cơ quan Đoàn cấp trên để phân bổ chi phí phù hợp cho mục đích chuyển đổi số.

Thứ hai, cần tận dụng nguồn lực và các nền tảng số miễn phí. Nhằm giảm chi phí triển khai, mở rộng khả năng tiếp cận công nghệ cho các đơn vị Đoàn ở nhiều cấp thì cần tận dụng tối ưu các nền tảng miễn phí như Google Classroom, Google Meet, Zoom, Microsoft Teams,... Đồng thời, cần tận dụng nguồn lực nhân sự giảng dạy của trường để lồng ghép kiến thức công nghệ số vào giảng dạy để nâng cao trình độ số cho cán bộ Đoàn.

Thứ ba, cần xây dựng và áp dụng khung đánh giá hiệu quả đầu tư (*Return on Investment*, ROI) cho các dự án chuyển đổi số của Đoàn. Khung đánh giá này sẽ giúp lượng hóa giá trị mang lại so với chi phí đã bỏ ra từ đó sẽ giúp chứng minh rằng các

22 Tiago Oliveira, Maria Fraga Martins, “Literature review of information technology adoption models at firm level”, *Electronic Journal of Information Systems Evaluation*, Vol. 14(1), 2011, tr. 110–121.

khoản đầu tư cho chuyển đổi số là hợp lý, cần thiết và mang lại lợi ích thiết thực cho tổ chức. Việc đánh giá ROI cũng hỗ trợ lãnh đạo Đoàn trong việc ra quyết định, ưu tiên nguồn lực và nâng cao tính minh bạch trong sử dụng ngân sách.

4.2. Hàm ý quản trị liên quan đến năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ Đoàn

Thứ nhất, cần đào tạo nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số cán bộ Đoàn. Các cơ sở Đoàn cần phối hợp với Thành Đoàn tổ chức tập huấn định kỳ, phân cấp để trang bị kiến thức chuyên sâu, khai thác công nghệ, quản trị dữ liệu và phân tích thông tin, nhằm quản lý Đoàn viên hiệu quả, tổ chức sự kiện trực tuyến và triển khai sáng kiến số hóa.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế khích lệ và khen thưởng kịp thời. Cụ thể, cần có cơ chế khích lệ đổi mới sáng tạo qua các cuộc thi công nghệ (như sáng tạo giải pháp số, thiết kế ứng dụng hỗ trợ công tác Đoàn) và khen thưởng kịp thời cho cán bộ có đóng góp nổi bật trong công tác chuyển đổi số.

4.3. Hàm ý quản trị liên quan đến tính hữu ích

Cần đẩy mạnh tuyên truyền và khuyến khích cán bộ Đoàn ứng dụng chuyển đổi số thông qua chỉ đạo từ cấp quản lý và lan tỏa rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng, mạng xã hội. Bên cạnh đó có thể lan tỏa “lan sóng” ứng dụng chuyển đổi số này qua các kênh thông tin đại chúng hoặc các nền tảng mạng xã hội, vừa để thông tin về lợi ích và sự thuận tiện của chuyển đổi số đến mọi người nói chung và các cán bộ Đoàn, thanh niên nói riêng.

4.4. Hàm ý quản trị liên quan đến cơ sở hạ tầng

Thứ nhất, cần nâng cấp hệ thống đường truyền và gia tăng tốc độ truy cập Internet nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho các hoạt động công tác Đoàn, phong trào thanh niên. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các công cụ, phần mềm chuyển đổi số, đặc biệt là công nghệ không dây, giúp cán bộ Đoàn truy cập mạng ổn định ở mọi khu vực.

Thứ hai, cần ứng dụng các phần mềm miễn phí hoặc chi phí thấp như Evernote, Jira, Trello, GanttPRO, Microsoft Project.... trong công tác Đoàn. Điều này giúp hỗ trợ lưu trữ tài liệu, tổ chức sự kiện, quản lý Đoàn viên và điều hành từ xa một cách hiệu quả, giúp hỗ trợ quản lý trong công tác Đoàn như: trình văn bản và quản lý dữ liệu... nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và tạo sự thống nhất trong công tác quản lý.

Thứ ba, đề xuất triển khai mở rộng đối tượng sử dụng E-office cho cán bộ Đoàn tại các trường đại học công lập nhằm số hóa quy trình làm việc, giám sát hoạt động và ra quyết định nhanh chóng thay vì phải xử lý khối lượng lớn email rời rạc mất rất nhiều thời gian. Việc đồng bộ hệ thống sẽ tối ưu tài nguyên, giảm chi phí vận hành, xây dựng môi trường số hóa bền vững. Bên cạnh đầu tư hạ tầng (Internet tốc độ cao, thiết bị hiện đại), cần bảo trì định kỳ (năm, quý, tháng) để duy trì ổn định, đảm bảo triển khai ứng dụng số trơn tru và liên tục trong công tác Đoàn.

4.5. Hàm ý quản trị liên quan đến chính sách, chiến lược của Chính phủ, Đoàn cấp trên

Thứ nhất, Chính phủ và cơ quan Đoàn cấp trên cần có thái độ tích cực trong công tác chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Cần xác định rằng, việc thực hiện chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên là

điều tất yếu, ưu tiên chiến lược hàng đầu. Từ đó, đưa nội dung này vào các chính sách, mục tiêu và định hướng về giáo dục chuyển đổi số trong công tác Đoàn để cấp cán bộ Đoàn cấp dưới có cơ sở để vận dụng việc chuyển đổi số trong công tác Đoàn, đảm bảo quá trình triển khai được định hướng rõ ràng và đạt được các kết quả cụ thể.

Thứ hai, Chính phủ và cơ quan Đoàn cấp trên nên có sự phân bổ nguồn ngân sách riêng cho hoạt động chuyển đổi số. Điều này giúp giảm áp lực tài chính cho cấp cơ sở và thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số đồng bộ, hiệu quả. Như vậy, các đơn vị Đoàn sẽ có điều kiện chủ động triển khai các dự án, chương trình số hóa, duy trì và nâng cấp hạ tầng công nghệ, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động và khả năng thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

Thứ ba, Chính phủ và cơ quan Đoàn cấp trên cần hỗ trợ cấp Đoàn cơ sở trong việc đào tạo và bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số cho cán bộ Đoàn. Cụ thể như, có thể thiết kế khung năng lực chuyển đổi số dành riêng cho cán bộ Đoàn phù hợp với từng vị trí công tác như Bí thư, Phó Bí thư, cán bộ Đoàn cấp quản lý hay cán bộ Đoàn ở cấp cơ sở. Ngoài ra, có thể tổ chức các khóa bồi dưỡng định kỳ, có cấp giấy chứng nhận hay cấp chứng chỉ để tạo động lực cho cán bộ Đoàn tích cực tham gia, đồng thời góp phần chuẩn hóa năng lực, nâng cao tính chuyên môn và tạo tiền đề cho việc đánh giá năng lực để khen thưởng trong công tác Đoàn.

4.6. Hàm ý quản trị liên quan đến tính dễ sử dụng

Thứ nhất, cần nâng cấp và cải thiện giao diện người dùng để tối ưu tính dễ sử dụng trong khi ứng dụng. Một giao diện được thiết kế rõ ràng, trực quan, khoa học sẽ giúp người dùng, đặc biệt là cán bộ Đoàn khi ứng dụng dễ dàng định hướng, nhận diện các chức năng và thực hiện các thao tác cần thiết mà không gặp trở ngại, kể cả khi không có nhiều kiến thức chuyên môn về công nghệ.

Thứ hai, cần tích hợp toàn bộ các hoạt động trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên vào một tác vụ chung trong ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao tính tiện lợi và tối ưu trải nghiệm người dùng. Việc gom nhóm và tập trung các chức năng như tham mưu, xin ý kiến lãnh đạo, quản lý tài liệu, lưu trữ công văn, hồ sơ, giấy tờ hành chính... vào cùng một khu vực có chức năng rõ ràng sẽ giúp giảm thiểu tối đa sự phân tán trong thao tác, từ đó tăng tính mạch lạc và nhất quán trong quá trình sử dụng. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Icek Ajzen, “The theory of planned behavior”, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, Vol. 50(2), 1991, DOI: [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- [2] Icek Ajzen and Martin Fishbein, *Understanding attitudes and predicting social behavior*, Prentice-Hall, Englewood Cliffs, 1980
- [3] Ali Abdallah Alalwan, Yogesh K. Dwivedi, Nripendra P. Rana, “Factors influencing adoption of mobile banking by Jordanian bank customers: Extending UTAUT2 with trust”, *International Journal of Information Management*, Vol. 37(3), 2017, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2017.01.002>
- [4] Nguyễn Thế Cường, “Chiến lược chuyển đổi số của các trường đại học ở Vương quốc Anh và kinh nghiệm cho các trường đại học Việt Nam”, *Tạp chí KHandCN Trường Đại học Hoa Bình*, số 04, 2022 [trans: Nguyen The Cuong, “Digital transformation strategies of universities in the UK and experiences for Vietnamese universities”, *Journal of Science and Technology of Hoa Binh University*, No. 04, 2022]

- [5] Fred D. Davis, “Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology”, *MIS Quarterly*, Voi. 13(3), 1989, DOI: <https://doi.org/10.2307/249008>
- [6] Haluk Demirkan, James C. Spohrer; Jeffrey J. Welsler, “Digital innovation and strategic transformation”, *IT Professional*, Vol. 18(6), DOI: <https://doi.org/10.1109/MITP.2016.115>
- [7] Pedro Fernández-de-Castro, Daniel Aranda, Segundo Moyano and Víctor Sampredo, “Digital youth work: A systematic review with a proposal”, *Social Work Education*, Vol. 42(3), 2023, DOI: <https://doi.org/10.1080/02615479.2021.1971187>
- [8] Tsang-Kai Hung, Chih-Hung Wang, Mu Tian, Ming Lin, Wen-Hsiu Liu, “How to prevent stress in the workplace by emotional regulation? The relationship between compulsory citizen behavior, job engagement, and job performance”, *Sage Open*, Vol. 12(2), 2022, DOI: <https://doi.org/10.1177/21582440221105483>
- [9] Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen, “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, số 18(226), 2021 [trans: Nguyen Thi Mai Huong, Bui Thi Sen, “Factors affecting the intention to implement digital transformation in small and medium enterprises in Hanoi”, *Journal of Science and Technology - Thai Nguyen University*, No. 18(226), 2021]
- [10] Soonhee Kim, Hyangsoo Lee, “The impact of organizational context and information technology on employee knowledge-sharing capabilities”, *Public Administration Review*, Vol. 66(3), 2006, DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1540-6210.2006.00595.x>
- [11] Katyeudo K. de S. Oliveira, Ricardo A. C. de Souza, “Digital transformation towards education 4.0”, *Informatics in Education*, Vol. 21(2), 2022, DOI: <https://doi.org/10.15388/infedu.2022.13>
- [12] Tiago Oliveira, Maria Fraga Martins, “Literature review of information technology adoption models at firm level”, *Electronic Journal of Information Systems Evaluation*, Vol. 14(1), 2011
- [13] A. Omarova, M. Niyazov, Assiya Turekulova, Dametken Turekulova, Lyazzat Mukhambetova, Yerkebulan Mukhambetov, “Socio-economic development of youth policy in the context of digital transformation”, *Montenegrin Journal of Economics*, Vol. 20(1), 2024
- [14] Robert A. Peterson, “A meta-analysis of cronbach’s coefficient alpha get access arrow”, *Journal of Consumer Research*, Vol. 21(2), 1994, DOI: <https://doi.org/10.1086/209405>
- [15] Chủ Bá Quyết, “Nghiên cứu khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số thành công của doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học and Đào tạo Ngân hàng*, số 233, 2021 [trans: Chu Ba Quiet, “Research to explore factors affecting successful digital transformation of enterprises in Vietnam”, *Journal of Banking Science and Training*, No. 233, 2021]
- [16] S. Richards, *McKinsey and Company: People and organizational performance strategic analysis*, Undergraduate Honors Thesis, University of Nebraska-Lincoln, 2023
- [17] L. Tornatsky, and M. Fleischer, *The Process of technology innovation*, Lexington Books, 1990
- [18] Nguyễn Quốc Tuấn, *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của đoàn viên thanh niên vào các tổ công nghệ số cộng đồng tại tỉnh Vĩnh Long*, Đề án tốt nghiệp, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 [trans: Nguyen Quoc Tuan, *Factors affecting the participation of youth union members in community digital technology groups in Vĩnh Long province*, Graduation project, Ho Chi Minh City University of Economics, 2024]
- [19] Viswanath Venkatesh and Fred D. Davis, “A theoretical extension of the technology acceptance model: Four longitudinal field studies”, *Management Science*, Vol. 46(2), 2000, <https://www.jstor.org/stable/2634758>
- [20] Viswanath Venkatesh, Michael G. Morris, “Why don’t men ever stop to ask for directions? Gender, social influence, and their role in technology acceptance and usage behavior”, *MIS Quarterly*, Vol. 24(1), 2000, SSRN: <https://ssrn.com/abstract=3681106>